



DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

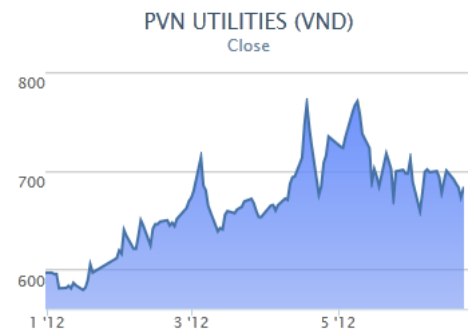
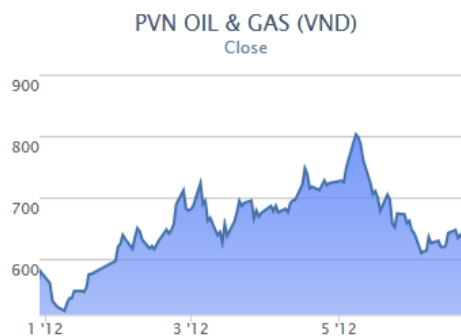


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	816.02	↓-18.51	↓ -2.22
PVN All-Share Continuous	681.84	↓-15.19	↓ -2.18
PVN All-Share	663.2	↓-13.34	↓ -1.97
PVN All-Share HSX	699.37	↓-16.24	↓ -2.27
PVN All-Share HNX	616.92	↓-12.52	↓ -1.99
PVN Vật Liệu Cơ Bản	994.2	↓-5.8	↓ -0.58
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	859.15	↓-21.13	↓ -2.4
PVN Tài Chính	637.38	↓-15.07	↓ -2.31
PVN Công Nghiệp	534.16	↓-14.56	↓ -2.65
PVN Dầu Khí	614.75	↓-21.54	↓ -3.39
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	670.05	↓-11.52	↓ -1.69

Chỉ số Ngành



www.psi.vn | research@psi.vn

Báo cáo của PSI có thể tìm thấy trên website của chúng tôi

Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	424.10 ↓	-3.10	-0.73%
KLGD (triệu ck)	61.99 ↑	10.27	19.84%
GTGD (tỷ đồng)	959.07 ↑	203.15	26.88%
Tổng cung (triệu ck)	171.58 ↑	0.17	0.10%
Tổng cầu (triệu ck)	161.70 ↓	-20.88	-11.43%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	5.22 ↓	-1.04	-16.67%
KL bán (triệu ck)	1.95 ↓	-0.24	-10.86%
Giá trị mua (tỷ đồng)	103.62 ↓	-33.55	-24.46%
Giá trị bán (tỷ đồng)	49.09 ↓	-0.96	-1.92%

Nhận định thị trường:

Tổng cục Thống kê vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 6/2012 đã giảm 0,26% so với tháng trước, sau 38 tháng tăng liên tục. Với mức giảm này, so với cuối năm ngoái, CPI tháng này còn tăng 2,52%. Còn so với cùng tháng năm trước, CPI chỉ còn tăng 6,9%, rất sát với lạm phát kỳ vọng của năm như các chuyên gia đã từng công bố. Như vậy, với lãi suất tiền gửi 9%/năm hiện nay, Việt Nam đang thuộc vào số ít các nước trên thế giới có lãi suất thực dương cao như vậy.

Về mặt tác động tới thị trường, CPI tháng 6 mặc dù âm nhưng không gây ra bất ngờ với nhà đầu tư và không thể hiện được sự tác động tức thời tới tâm lý thị trường. Một số chuyên gia cho rằng CPI giảm nhanh và mạnh hơn dự kiến, ngoài những nguyên nhân trực tiếp như giảm giá xăng thì còn phản ánh tổng cầu nền kinh tế đã giảm mạnh (hay nguy cơ giảm phát). Với các con số từ tăng trưởng tín dụng 5 tháng đầu năm, chỉ số tồn kho, tăng trưởng GDP, v.v... cùng với việc gần đây nhất, Hãng tư vấn A.T.Keraney (Mỹ) đã loại Việt Nam khỏi top 30 thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất thế giới cũng là những yếu tố cho thấy các nhận định nêu trên là có cơ sở.

Theo phân tích của TS. Lê Xuân Nghĩa - Thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính tiền tệ quốc gia, từ nay đến cuối năm, TTCK nhiều khả năng sẽ tăng, giảm, điều chỉnh liên tục; xu thế tăng không rõ ràng do có khả năng đầu tháng 7, NHNN sẽ bỏ hẳn trần lãi suất mà hiện về cơ bản lãi suất đã được tự do hóa. Nhưng đến đầu năm sau và rõ nhất từ cuối quý I, TTCK sẽ tăng một cách ổn định. Tăng mạnh hay yếu sẽ phụ thuộc vào việc xử lý nợ xấu đến đâu.

Vn-Index tiếp tục giảm dần, bám theo một đường kênh xu thế giảm và chính thức mất ngưỡng 430 điểm (fibonacci). Thanh khoản thị trường có tăng so với những phiên tuần trước nhưng chủ yếu lại do áp lực bán giá thấp tăng mạnh trên các pennies và midcap. Tín hiệu tương tự VN-index nhưng biểu hiện rõ nét hơn của một phiên breakdown, HNX-index cũng chính thức rời ngưỡng 73 điểm trong phiên đầu tuần. Theo đó, chiều hướng giảm có khả năng còn tiếp tục. VN-Index có hỗ trợ gần nhất tại 411 điểm, còn HNX-Index sẽ sớm kiểm chứng ngưỡng 70 điểm.

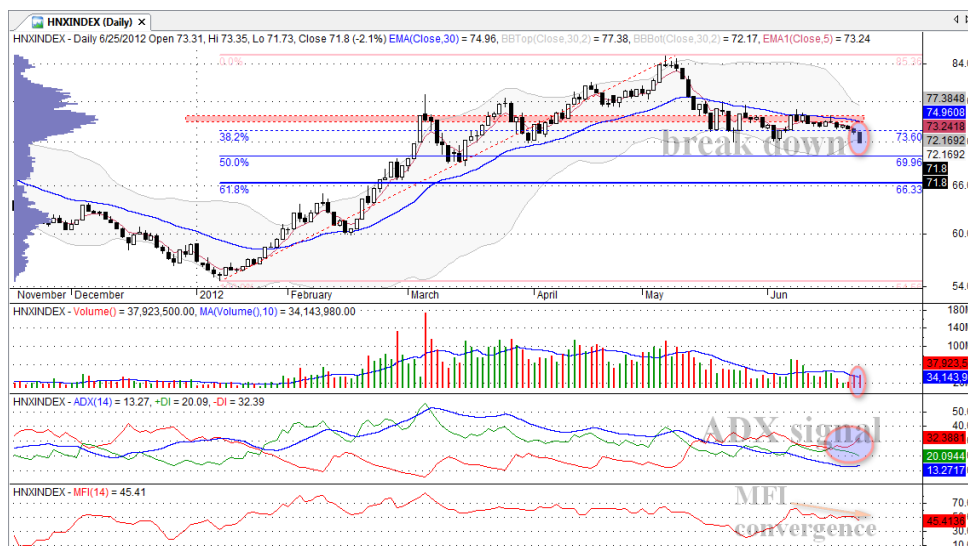
Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	71.80 ↓	-1.50	-2.05%
KLGD (triệu ck)	42.48 ↑	0.29	0.69%
GTGD (tỷ đồng)	421.84 ↓	-9.47	-2.20%
Tổng cung (triệu ck)	63.75 ↓	-4.58	-6.71%
Tổng cầu (triệu ck)	53.02 ↓	-8.45	-13.75%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.67 ↑	0.03	4.23%
KL bán (triệu ck)	0.49 ↑	0.04	8.41%
Giá trị mua (tỷ đồng)	9.94 ↑	1.62	19.52%
Giá trị bán (tỷ đồng)	5.50 ↑	0.12	2.28%



Đồ thị HNX-Index.

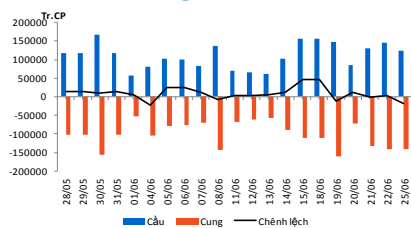
Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Xu thế giảm đang mạnh lên, tín hiệu break down xuất hiện trên chỉ số.

- KLGD khớp lệnh mạnh lên trong 2 phiên giảm gần nhất cho thấy áp lực bán giá thấp tăng khá mạnh. Phiên đầu tuần thể hiện như một break down, đánh dấu việc HNX-Index chính thức rời khỏi mốc 73 điểm. Sau break down, HNX-Index vẫn có thể xuất hiện những phiên hồi nhẹ trở lại, tuy nhiên việc đảo ngược xu thế sẽ cần nhiều yếu tố hơn như vậy.
- Sức mạnh bên bán đang mạnh dần, xu thế giảm đang mạnh và rõ nét hơn. Công cụ ADX đã phát tín hiệu đáng cảnh báo từ vài phiên trước khi DI+ cắt xuống DI-, tuy nhiên chưa thực sự rõ nét. Phiên hôm nay hai đường DI đã bắt đầu phân cực và ADX có chiều hướng tăng lên, cho thấy sức giảm giá mạnh hơn. ADX hiện mới chỉ ở mức 13, nhưng nếu tăng dần và >20 thì đã có thể khẳng định trend giảm rõ nét và mạnh.
- Công cụ dòng tiền MFI hôm nay chính thức đi xuống, xác nhận một trend giảm trên công cụ dao động này, đồng thời là tín hiệu hội tụ với trend giảm đang diễn ra trên HNX-Index.

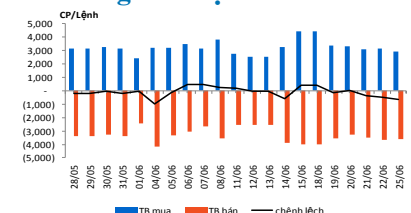
Nhìn chung, HNX-Index thể hiện những tín hiệu tiêu cực trên góc nhìn kỹ thuật. Căn cứ vào những tín hiệu phân tích ở trên, khả năng cao là HNX-Index sẽ tiếp tục giảm hướng tới các hỗ trợ 70 điểm, 66 điểm. Trong kịch bản xấu thì 66 điểm mới là một hỗ trợ có ý nghĩa với chỉ số HNX-Index.

HSX:

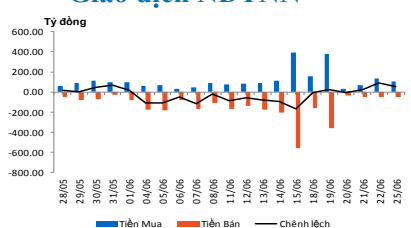
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

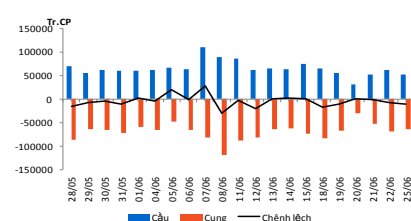
VN-Index Mở cửa với mức giảm nhẹ 0.63 điểm, tức 426.54 điểm do ảnh hưởng bởi gần 60 mã giảm giá trong đó có các bluechips như HAG, SSI, VCB... Giao dịch ở mức rất thấp, với 780 ngàn đơn vị. Trong khi đó, các mã trụ cột đều đứng yên hoặc nhích nhẹ trên mức tham chiếu.

Kết thúc phiên giao dịch buổi sáng, HOSE chỉ có 25.6 triệu đơn vị chuyển nhượng, trị giá 368 tỷ đồng, bao gồm cả giao dịch thỏa thuận. HNX có xấp xỉ 21 triệu đơn vị, tương đương 214 tỷ đồng. Khối ngoại không mua mạnh nhưng cũng tranh thủ gom vào gần 2.5 triệu đơn vị, với một số mã có khối lượng lớn như REE, MBB, EIB, SSI, HSG...

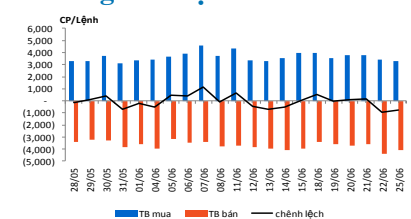
Kết phiên, Cuối phiên, VN-Index mất 3.05 điểm, tương ứng 0.71% xuống 424.12 điểm. Giao dịch thỏa thuận tăng vọt ở 15 phút giao dịch thỏa thuận với việc OGC có 12 triệu đơn vị chuyển nhượng giá sàn, tương ứng 146.4 tỷ đồng nâng giao dịch toàn sàn lên trên 62.79 triệu đơn vị, trị giá gần 1,031.47 tỷ đồng.

HNX:

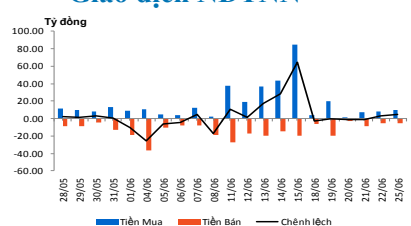
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

HNX-Index vẫn giảm nhẹ từ đầu phiên với giao dịch hết sức ẻo uột, đạt trên 1 triệu đơn vị. Thị trường có khoảng 24 mã giảm giá, 21 mã tăng, các mã trụ cột hầu hết đều đứng yên tại mốc tham chiếu, hoặc giảm nhẹ như SCR, VND. AGC tiếp tục giảm sàn khi mà ngày hủy niêm yết cổ phiếu này đang đến gần.

Kết thúc phiên sáng, HNX-Index do thiếu sự nâng đỡ nhất định nên giảm khá mạnh, với 1.05 điểm, tức 1.43% xuống 72.26 điểm. Toàn sàn có đến 170 mã giảm, 192 mã đứng ở mức tham chiếu và vốn vện 38 mã tăng giá.

Kết thúc phiên giao dịch đầu tuần, Ở HNX, chỉ số rớt đến 2.06%, tức 1.51 điểm xuống còn 71.8 điểm. Đà lao dốc giúp thanh khoản tăng gấp đôi so với buổi sáng, đạt gần 42.5 triệu đơn vị, trị giá xấp xỉ 422 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, theo xu thế chung toàn thị trường, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX chỉ có một mã đứng giá là PVI, ngoài ra 27 còn lại mã đều giảm giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PSI (giảm 5,56%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 3,27% và tổng khối lượng giao dịch đạt 9,717 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 25/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,300.0	2,200	↓ -1.85	0.46	14.32	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	3,500.0	700	↓ -5.41	0.34	31.82	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,200.0	171,900	↓ -3.70	0.30	0.51	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	21,800.0	549,600	↓ -2.68	1.79	1.45	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,100.0	162,700	↓ -4.72	1.12	7.66	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,200.0	100	↓ -3.70	0.48	2.87	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,100.0	126,200	↓ -5.56	0.50	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	15,000.0	192,500	↓ -4.46	0.89	2.24	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,300.0	52,800	↓ -1.74	1.98	5.16	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,400.0	293,300	↓ -5.00	0.73	8.20	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,700.0	13,800	↔ 0.00	0.80	9.44	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,200.0	1,200	↓ -4.62	0.60	2.91	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,400.0	794,700	↓ -1.91	1.30	4.12	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,800.0	3,538,849	↓ -2.00	0.43	3.68	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,900.0	216,300	↓ -1.81	3.06	12.15	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,300.0	358,480	↓ -0.58	2.05	5.54	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,700.0	30,670	↓ -2.20	1.23	3.25	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,400.0	34,400	↓ -4.55	0.72	6.13	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,200.0	409,910	↓ -2.40	0.70	3.00	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	33,400.0	2,140	↓ -1.47	1.63	4.72	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,100.0	267,140	↓ -3.77	0.50	3.95	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,500.0	78,050	↓ -3.90	1.17	6.78	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	12,300.0	1,315,840	↓ -3.15	1.08	15.57	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,400.0	697,700	↓ -3.57	0.55	49.09	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,600.0	100,590	↓ -2.94	0.63	4.40	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,000.0	92,950	↓ -4.76	0.54	3.13	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,600.0	189,170	↓ -4.50	0.80	3.18	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,400.0	23,160	↓ -4.48	0.59	4.21	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	↔ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	↔ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	↔ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SSI	21,800	21,400	-1.83	34,716,684
STB	22,400	22,400	0.00	32,014,177
HSG	19,500	18,800	-3.59	24,999,208
ASM	14,200	13,600	-4.23	24,550,746
VIC	81,000	85,000	4.94	135,005,226

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SCR	13,400	12,600	-5.97	57,168
VND	11,400	10,900	-4.39	38,088
PVX	10,000	9,800	-2.00	35,011
KLS	10,200	9,900	-2.94	34,452
SVN	35,800	35,800	0.00	13,133

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
TCO	8,100	8,500	400	4.94
VIC	81,000	85,000	4,000	4.94
BCI	22,500	23,600	1,100	4.89
SBC	12,400	13,000	600	4.84
GIL	37,600	39,400	1,800	4.79

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VBH	14,300	15,300	1,000	6.99
AME	2,900	3,100	200	6.90
MKV	11,600	12,400	800	6.90
KTS	37,000	39,500	2,500	6.76
BHV	9,000	9,600	600	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,800	1,700	-100	-5.56
DRH	4,000	3,800	-200	-5.00
VRC	8,000	7,600	-400	-5.00
DHC	8,000	7,600	-400	-5.00
KSA	14,000	13,300	-700	-5.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HEV	11,500	10,700	-800	-6.96
CTA	5,800	5,400	-400	-6.90
VDL	39,400	36,700	-2,700	-6.85
SHS	7,300	6,800	-500	-6.85
HPC	4,400	4,100	-300	-6.82

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
SSI	14,233	DHG	12,300
REE	13,581	VIC	7,868
DHG	12,298	VSH	5,024
EIB	9,329	HSG	3,919
MBB	8,285	DPM	3,888

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
DBC	4,005	AAA	1,028
PGS	1,533	VNR	877
PVS	1,038	SDT	615
PVX	1,000	BVS	486
HDO	540	BCC	391

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339